

Bản án số: 27/2022/DS-PT

Ngày: 17 – 3 – 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Hồng Thanh**
- *Các Thẩm phán:* **Ông Võ Thái Sơn**

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Cao Kiều Trinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* **Bà Dương Thanh Giêng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 09/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 9A1, xã Vị B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị N: Ông Nguyễn Văn B1, địa chỉ: số 37, đường Ngô Quốc T, khu vực 3, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn T1 - HG thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 (có mặt);

Bà Trần Thị V2, sinh năm 1991 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 9A1, xã Vị B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị V2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày: Vào ngày 23/01/2019, bà N có cho vợ chồng bà V2, ông Đ vay số tiền là 70.000.000 đồng, không ghi biên nhận, thỏa thuận tiền lãi 1.000.000 đồng một tháng trả 50.000 đồng, hạn 02 tháng sau sẽ trả. Nhưng kéo dài đến nay ông Đ, bà V2 không trả tiền vốn và tiền lãi. Nay bà N yêu cầu ông Đ, bà V2 trả tiền vốn vay 70.000.000 đồng, tiền lãi 94.500.000 đồng (từ ngày 23/01/2019 đến nay 08/4/2021, mức lãi 5%/tháng). Biên nhận bà N cung cấp cho Tòa án là ghi sau đó 02 năm, do vợ chồng ông Đ không trả tiền cho bà N, nên bà N yêu cầu vợ chồng ông Đ ghi biên nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 1,50%/tháng, thời gian tính tiền lãi từ ngày 23/01/2019 đến ngày nộp đơn khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận có vay của bà N 70.000.000 đồng, khi nhận tiền của bà N không có ghi biên nhận, sau hơn 02 năm bà V2, ông Đ có ký nhận nợ với bà N xác nhận số tiền nhận nợ là 70.000.000 đồng. Số tiền 70.000.000 đồng trên nhận 03 lần, cụ thể: lần đầu nhận 10.000.000 đồng vào ngày 15/01/2019, lần thứ 2 nhận 15.000.000 đồng vào ngày 24/01/2019, lần thứ ba nhận 45.000.000 đồng vào ngày 28/5/2020, lãi thỏa thuận 5%/tháng. Mục đích vay tiền của bà N để chăn nuôi vịt. Bà V2, ông Đ cho rằng đã trả lãi cho bà N 03 lần với số tiền là 40.000.000 đồng, cụ thể: lần đầu vào ngày 15/4/2019 trả 10.000.000 đồng do bà N bắt heo con trừ tiền lãi, lần thứ hai ngày 24/4/2019 trả 15.000.000 đồng, lần thứ ba ngày 25/12/2020 trả 15.000.000 đồng. Khi giao tiền lãi cho bà N không có biên nhận. Bà V2, ông Đ đồng ý trả tiền vốn vay là 70.000.000 đồng, tiền lãi không đồng ý trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị N số tiền 97.895.000 đồng (chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn). Trong đó, tiền vay gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 27.895.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2021, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị V2 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp thuận cho ông Đ và bà V2 trả cho bà Phạm Thị N số tiền gốc là 70.000.000 đồng với hình thức trả theo mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn đang đi làm thuê và hiện đang nuôi 03 con ăn học.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị N: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Trần Thị V2 và ông Nguyễn Văn Đ: Vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ biên nhận và lời thừa nhận nợ của bị đơn, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc bị đơn trả vốn và lãi là phù hợp quy định của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn kháng cáo cho rằng có đóng lãi 40.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; về yêu cầu trả dần không được nguyên đơn đồng ý nên sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2021, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị V2 có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị V2:

[2.1]. Nguyên đơn bà N và bị đơn vợ chồng ông Đ, bà V2 thống nhất nhau về số tiền vợ chồng ông Đ, bà V2 có vay của bà N là 70.000.000 đồng. Lúc vay không có làm giấy tờ mà sau 02 năm mới làm “Giấy nợ” ghi ngày 23/01/2019. Bà N cho rằng cho ông Đ, bà V2 vay 03 lần nhưng chỉ cho vay trong tháng 01 năm 2019 và thống nhất lấy ngày 23/01/2019 là ngày vay. Tuy nhiên, ông Đ, bà V2 lại cho rằng vay 03 lần với số tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng, với thời gian cụ thể: lần đầu vay 10.000.000 đồng vào ngày 15/01/2019, lần thứ 2 vay 15.000.000 đồng vào ngày 24/01/2019, lần thứ ba vay 45.000.000 đồng vào ngày 28/5/2020. Xét thấy lời trình bày của bà N phù hợp với “Giấy nợ” ghi ngày 23/01/2019 mà bị đơn ông Đ, bà V2 thừa nhận có ký tên. Bị đơn ông Đ, bà V2 cho rằng vay 03 lần với số tiền 70.000.000 đồng, trong đó có số tiền vay 45.000.000 đồng vay vào ngày 28/5/2020, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ sự thừa nhận của các bên về số tiền bị đơn ông Đ, bà V2 vay của bà N là 70.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ, bà V2 trả cho bà N số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Các đương sự thống nhất mức lãi suất cho vay là 5%/tháng. Bà N cho rằng từ lúc vay đến nay ông Đ, bà V2 không có trả lãi lần nào. Ông Đ, bà V2 cho rằng đã trả lãi cho bà N từ ngày 15/01/2019 âm lịch đến ngày 15/01/2021 âm lịch với số tiền lãi là 40.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, nhưng việc trả tiền lãi cho bà N có ông Nguyễn Lý S và bà Nguyễn Thị L biết. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của ông S và bà L nhưng ông S khai không biết về việc vay tiền và trả tiền lãi giữa bà V2 và bà N; còn bà L chỉ khai bà N có mua heo con, nhưng không trả tiền và sau đó bà V2 đứng ra trả phần tiền heo con bà N mua. Bà N không thừa nhận việc mua heo con của bà L và bà L cũng không có chứng cứ chứng minh việc mua heo con của bà N. Ngoài ra, ông Đ, bà V2 không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh. Do đó, không có cơ sở xác định trong quá trình vay tiền, vợ chồng ông Đ, bà V2 có trả tiền lãi cho bà N.

[2.3]. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*. Việc thỏa thuận vay tài sản của các đương sự có thỏa thuận lãi, với mức lãi suất 5%/tháng là cao so với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà N chỉ yêu cầu bị đơn ông Đ, bà V2 trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng (tức 18%/năm) từ ngày 23/01/2019 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện là 02 năm 02 tháng 17 ngày. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà N, theo đó buộc bị đơn ông Đ, bà V2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà N số tiền lãi: 70.000.000 đồng x 02 năm 02 tháng 17 ngày x 1,5%/tháng = 27.895.000 đồng là có căn cứ pháp luật và có lợi cho bị đơn.

[2.4]. Đối với yêu cầu được trả tiền mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ của bà V2, ông Đ, tại phiên tòa phúc thẩm không được bà N đồng ý. Do đó, bà V2, ông Đ phải có trách nhiệm trả tiền cho bà N theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3]. Từ những nhận định tại mục [2], xét thấy bị đơn ông Đ, bà V2 kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà V2, ông Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V2 và ông Nguyễn Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng:

- Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

Buộc bị đơn bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị N số tiền 97.895.000 đồng (chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền vay gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi 27.895.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 4.894.000 đồng (bốn triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

2.2. Bà Phạm Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.112.500 đồng theo Biên lai thu số 0008496 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị V2, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà V2, ông Đ đã nộp mỗi người là 300.000 đồng lần lượt theo Biên lai số 0002646 và 0002645 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà V2 và ông Đ đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh